

Bản án số: **24/2017/HS-PT**

Ngày 17-7-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Thanh Sơn**

Các Thẩm phán: Ông **Hà Văn Chương**

Bà **Nguyễn Thanh Hương**

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Hà Đan Trang** - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Kim Trúc** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 44/2017/HSPT ngày 21/6/2017 đối với bị cáo Lê Đức T do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 19/2017/HSST ngày 12/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện CH, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị cáo có kháng cáo:

Lê Đức T, tên gọi khác: Không, sinh năm 1988.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thôn Đ, xã H, huyện CH, tỉnh Tuyên Quang.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Tày; con ông Lê Đức T, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964; có vợ là Ngô Thị T (đã ly hôn năm 2011); con: chưa có.

Tiền án: Năm 2014 bị Tòa án nhân dân huyện CH xử phạt 02 năm 03 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/01/2016.

Tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/12/2016, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang(*có mặt tại phiên tòa*).

NHẬN THẤY:

Theo bản cáo trạng của kiểm sát nhân dân huyện CH, tỉnh Tuyên Quang và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện CH, tỉnh Tuyên Quang, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 11 giờ 30 phút ngày 08/12/2016, Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang lập biên bản vi phạm hành chính đối với Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Anh D, xét nghiệm nước tiểu đối với T1, D kết quả dương tính có chất ma túy trong

cơ thể. Các đối tượng này khai đã nhiều lần mua Hêrôin của Lê Đức T, sinh năm 1988, trú tại: Thôn Đ, xã H, huyện CH, tỉnh Tuyên Quang. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang tiến hành bắt khẩn cấp, khám xét nơi ở của T. Quá trình điều tra, Lê Đức T đã khai nhận 03 lần thực hiện hành vi bán Hêrôin, cụ thể:

- Lần 01: Vào khoảng 12 giờ ngày 07/12/2016, Lê Đức T đến thôn L, xã Y, huyện CH chơi thì Nguyễn Văn T1, sinh năm 1992, trú tại: Thôn A, xã T, huyện CH dùng điện thoại có số 0962xxxxxx gọi điện thoại vào số sim 01699xxxxxx của Lê Đức T hỏi “*Có Hêrôin không? Bán cho 200.000đ*”. T nghe điện đồng ý hẹn gặp T1 ở Cầu C, xã Y. T1 cùng với Nguyễn Bá T2, sinh năm 1971, trú tại: Tổ 2, phường M, Tp. TQ, tỉnh Tuyên Quang dừng xe chờ, một lúc sau T đến cầu C thì thấy T1 cùng Nguyễn Bá T2 đi đến. Gặp T, T1 giới thiệu T2 với T, sau đó T1 và T2 lần lượt mỗi người đưa cho T 200.000đ, tổng cộng là 400.000đ để mua Hêrôin. T cầm tiền nói với T1 và T2 đi xuống chợ B, xã B1, huyện H để lấy Hêrôin. Khi đến cách chợ B khoảng 500m, T bảo T1, T2 đứng đợi, sau đó T đi đến chợ B gặp một người đàn ông không biết tên tuổi địa chỉ ở ven đường mua được 01 gói Hêrôin với giá 400.000đ. T vào chỗ vắng người chia gói Hêrôin thành 05 gói nhỏ, sau đó quay lại dẫn T1 và T2 lên khu đồi gần đường thuộc thôn Y, xã B, huyện H đưa cho T1 và T2 01 gói Hêrôin (02 người 01 gói). T quay ra đường, T1 và T2 chia nhau sử dụng ngay tại chỗ hết.

- Lần 02: Khoảng 15 phút sau, sau khi sử dụng Hêrôin, T1 và T2 ra đường đi về thì T2 nói với T1 “*vẫn còn thêm nữa*”, T1 gọi điện thoại cho T hỏi mua tiếp, T đồng ý quay lại gặp T1 và T2. T lấy của T2 200.000đ rồi giả vờ đi xe máy theo đường vào khu chợ B khoảng 500m và quay lại chỗ T1, T2, đưa cho T2 01 gói Hêrôin trong số 04 gói Hêrôin còn lại. Mua được Hêrôin, T2 và T1 đi vào chỗ vắng người chia nhau sử dụng hết.

Lần 03: Khoảng 10 giờ ngày 08/12/2016, T cầm 03 gói Hêrôin còn lại đi ra khỏi nhà đến xã Y chơi thấy T1 gọi điện thoại hỏi “*Còn Hêrôin không? Bán cho 400.000đ?*”. T đồng ý và hẹn gặp T1 ở bia chiến T Cầu Cả, xã Y. Khi đến chỗ hẹn, T thấy T1 và bạn của T1 là Nguyễn Anh D, trú tại: Tổ 2, phường T, Tp. TQ đi đến. T bảo T1 và D đi lên hang đá ở gần đó. Lên đến hang đá, T1 và D lần lượt đưa cho T mỗi người 200.000đ, tổng cộng 400.000đ. T cầm tiền đưa cho T1 và D mỗi người 01 gói Hêrôin, T1 và D đi về. Trên đường đến đèo G, thuộc xã T, huyện CH, T1 và D vào ven đường lúc vắng người đem số Hêrôin ra sử dụng hết. Đối với gói Hêrôin còn lại T đem ra sử dụng hết.

Từ nội dung trên, tại bản án số: 19/2017/HSST ngày 12/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện CH, tỉnh Tuyên Quang đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Đức T phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 194; đoạn 2 điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Đức T 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 10/12/2016.

Áp dụng Điều 30; khoản 5 Điều 194 của Bộ luật hình sự; Phạt tiền bị cáo Lê Đức T số tiền: 6.000.000đ (*sáu triệu đồng*).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, truy thu số tiền do phạm tội mà có, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/5/2017, bị cáo Lê Đức T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang phát biểu quan điểm: Về kháng cáo của bị cáo trong hạn luật định; trình tự, thủ tục giải quyết vụ án đúng pháp luật tố tụng. Tòa án cấp sơ thẩm xem xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử phạt bị cáo 08 năm 06 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy là đúng người, đúng tội, đúng với hành vi phạm tội của bị cáo. Ngoài các tình tiết giảm nhẹ đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét áp dụng, tại cấp phúc thẩm bị cáo Lê Đức T không cung cấp thêm được tình tiết mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt. Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo;

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Lê Đức T tiếp tục thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, thừa nhận cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội Mua bán trái phép chất ma túy là đúng quy định của pháp luật, không oan. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Trong các ngày 07 và 08/12/2016 Lê Đức T đã có hành vi bán trái phép chất ma túy 03 lần, cụ thể:

Lần 1: Khoảng 12 giờ ngày 07/12/2016 tại khu vực chợ B, xã B1, huyện H, T bán cho Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Bá T2 01 gói Hêrôin thu được 400.000đ.

Lần 2: Cách lần 1 khoảng 20 phút, T bán cho T1 và T2 01 gói Hêrôin thu được 200.000đ.

Lần 3: Khoảng 10 giờ ngày 08/12/2016 tại khu vực sườn núi đá bia C Cầu C, xã Y, huyện CH, T bán cho T1 và Nguyễn Anh D mỗi người 01 gói Hêrôin với giá 200.000đ/gói, thu được 400.000đ.

Do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Đức T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét nhân thân, đánh giá mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử phạt bị cáo 08 năm 06 tháng tù là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không cung cấp thêm được tình tiết nào mới nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo. Do đó không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo Lê Đức T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Đức T, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 19/2017/HSST ngày 12/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện CH, tỉnh Tuyên Quang về hình phạt như sau:

Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 194; đoạn 2 điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Đức T 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 10/12/2016.

Áp dụng: Điều 30, khoản 5 Điều 194 của Bộ luật hình sự. Phạt tiền bị cáo Lê Đức T số tiền: 6.000.000đ (*sáu triệu đồng*).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Phòng PV 27 Công an tỉnh Tuyên Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện CH, tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện CH, tỉnh Tuyên Quang;
- Công an huyện CH, tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS huyện CH, tỉnh Tuyên Quang;
- Bị cáo;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hồ Thanh Sơn